

Bản án số: **07/2021/DS-ST**

Ngày: 09 -12-2021

“V/v Tranh chấp về quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H THỦY- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Cường và ông Nguyễn Văn PH.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê T Thọ - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H Thủy tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Khánh Nhạc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H Thủy, số 06 đường Đặng Tràm, phường Phú Bài, thị xã H Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2018, về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị M, sinh năm 1953. Địa chỉ: Số 514 đường NTT, Tổ 11, phường TP, thị xã H Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt, đã ủy quyền.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Ông Lê Hồng S, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số 50 đường Hồng CH, phường AĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Trọng B và bà Lê Thị Như U. Địa chỉ: Số 512 đường NTT, Tổ 11, phường TP, thị xã H Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Đỗ Lê Q, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 514 đường NTT, Tổ 11, phường TP, thị xã H Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Lê Q là bà Lê Thị M.

- Bà Đỗ Thị Thiên N, sinh năm 1978. Địa chỉ: Phòng 4, Lô C, lầu 4, Chung cư TT, số 1 đường số 54 Q B Đ, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, đã ủy quyền.

- Bà Đỗ Thị Thiên H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Phòng 109, nhà C1, chung cư V, thành phố H. Vắng mặt, đã ủy quyền.

- Bà Đỗ Thị Thu PH, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 25/01 đường Hồ Xuân H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt, đã ủy quyền.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nga, H, PH là: Bà Trần Thị H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số 336 đường PCT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/4/2018, văn bản trình bày ý kiến bổ sung ngày 10/11/2021, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Lê Thị M và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Về nguồn gốc ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất, thửa đất số 336, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33), diện tích 585m² tọa lạc tại Thôn 11, xã TP, huyện H Thủy (nay là số 514 đường NTT, Tổ 11, phường TP, thị xã H Thủy), tỉnh Thừa Thiên Huế, là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà và ông Đỗ Văn T (chết ngày 01/11/2020), đã được Ủy ban nhân dân huyện H Thủy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 09/7/2003, mang số hiệu V 344956, liền kề với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa đất số 104, tờ bản đồ số 33), diện tích 223,70m² thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Võ Trọng B và bà Lê Thị Như U. Sau khi ông T chết thì bà M cùng các con tiến hành khai nhận di sản thừa kế để chuyển nhượng cho người khác thì lúc này mới phát hiện ông bà Võ Trọng B, Lê Thị Như U đã lấn chiếm quyền sử dụng đất, phần đất liền kề của gia đình bà M khi xây dựng nhà ở. Bà Lê Thị M đã khiếu nại tại UBND phường TP nhiều lần. Qua quá trình H giải tại UBND phường TP do các bên không thỏa thuận được với nhau về quyền sử dụng phần đất liền kề nên vào ngày 29/4/2018 bà M đã có đơn khởi kiện tại Tòa án và yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là ông bà Võ Trọng B, Lê Thị Như U phải chịu trách nhiệm tháo dỡ 03 ống bi vuông nằm trên mặt đất để trả lại quyền sử dụng đất liền kề cho bà Lê Thị M và đồng thừa kế của ông Đỗ Văn T, phần diện tích đất đã lấn chiếm là 9,42m²; Trong đó có 4,93m² là phần đất không liên quan đến kết cấu công trình nhà ở thì buộc trả lại đất, còn phần diện tích đất 4,49m² có liên quan đến kết cấu công trình nhà ở thì giao cho ông B bà U tiếp tục sử dụng nhưng ông B bà U phải chịu trách nhiệm T toán giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường, tương ứng với số tiền là 4,49m² x 11.000.000 đồng/m² = 49.390.000 đồng cho bà Lê Thị M và đồng thừa kế của ông Đỗ Văn T, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại văn bản trình bày ý kiến và bản tự khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn (những người thừa kế của ông Đỗ Văn T) là bà Đỗ Thị Thiên H, bà Đỗ Thị Thiên N, bà Đỗ Thị Thu PH và người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị H đều trình bày: Thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 24/07/2018, biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2020 của bị đơn là ông Võ Trọng B và bà Lê Thị Như U trình bày: Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa đất số 104, tờ bản đồ số 33), diện tích 223,7m² tọa lạc tại số 512 đường NTT, Tổ 11, phường TP, thị xã H Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông và bà Lê Thị Như U, đã được Ủy ban nhân dân huyện H Thủy (nay là thị xã H Thủy) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/11/2003. Trong quá trình quản lý sử dụng đất vợ chồng ông bà đã xây dựng nhà ở, có hiện trạng như hiện nay trên thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông bà. Ông bà không lấn chiếm phần đất liền kề của bà Lê Thị M và các đồng thừa kế của ông T. Nay bà Lê Thị M khởi kiện thì vợ chồng ông bà không đồng ý và không chấp nhận về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân phường TP, thị xã H Thủy được biết: Thửa đất số 336, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33), có diện tích 585m² tọa lạc tại Thôn 11, xã TP, huyện H Thủy (nay là số 514 đường NTT, Tổ 11, phường TP, thị xã H Thủy), tỉnh Thừa Thiên Huế, là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Lê Thị M và ông Đỗ Văn T, đã được Ủy ban nhân dân huyện H Thủy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 09/7/2003, mang số hiệu V 344956, liền kề với thửa đất số 58, tờ

bản đồ số 01 (nay là thửa đất số 104, tờ bản đồ số 33), diện tích 223,70m² thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Võ Trọng B và bà Lê Thị Như U, đã được Ủy ban nhân dân huyện H Thủy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/11/2003. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất của chính quyền địa phương thì thấy rằng hộ liên kề là ông Võ Trọng B và bà Lê Thị Như U khi xây dựng nhà ở có lấn chiếm phần đất liên kề của hộ gia đình bà Lê Thị M, bà M cũng đã có khiếu nại nhiều lần tại Ủy ban nhân dân phường TP. Ủy ban nhân dân phường TP cũng đã tổ chức H giải nhiều lần nhưng các bên đương sự không thống nhất với nhau về phần đất đang tranh chấp, liên kề giữa hai thửa đất. Do đó Ủy ban nhân dân phường TP đã có thông báo số 29/TB-UBND ngày 29/3/2018 cho các bên biết về kết quả H giải để các bên đương sự thực hiện quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật. Nay Ủy ban nhân dân phường TP đề nghị Tòa án xem xét giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất liên kề giữa hai hộ nói trên theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và H giải nhiều lần theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng các bên đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Các bên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã H Thủy có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng, còn bị đơn cố tình vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị M đối với bị đơn là ông Võ Trọng B và bà Lê Thị Như U. Buộc ông bà Võ Trọng B, Lê Thị Như U phải chịu trách nhiệm trả lại phần diện tích đất liên kề đã lấn chiếm là 9,42m² cho bà Lê Thị M và các đồng thừa kế của ông Đỗ Văn T; Trong đó có 4,93m² là phần đất không liên quan đến kết cấu công trình nhà ở thì buộc trả lại đất, còn phần diện tích đất là 4,49m² có liên quan đến kết cấu công trình nhà ở thì giao cho ông B bà U tiếp tục sử dụng nhưng ông B bà U phải chịu trách nhiệm T toán giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường, tương ứng với số tiền là 49.390.000 đồng cho bà Lê Thị M và đồng thừa kế của ông Đỗ Văn T; Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có mặt người đại diện theo ủy quyền; Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Về phía bị đơn là bà Lê Thị Như U vắng mặt nhưng đã có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Còn đối với bị đơn là ông Võ Trọng B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về nguồn gốc ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất, thửa đất số 336, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33), có diện tích 585m² - tọa lạc tại Thôn 11, xã TP, huyện H Thủy (nay là số 514 đường NTT, Tổ 11, phường TP, thị xã H Thủy),

tỉnh Thừa Thiên Huế, là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông bà Đỗ Văn T (Ông T chết vào ngày 01/11/2020), Lê Thị M đã được Ủy ban nhân dân huyện H Thủy (nay là thị xã H Thủy) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 09/7/2003, mang số hiệu V 344956, liền kề với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa đất số 104, tờ bản đồ số 33), diện tích 223,70m² là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông bà Võ Trọng B, Lê Thị Như U. Về hiện trạng hiện nay của thửa đất số 336, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33), diện tích còn lại là 525,6m²; Còn thửa đất số 58, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa đất số 104, tờ bản đồ số 33), có diện tích là 268,9m². Trong quá trình quản lý, sử dụng thì các chủ sử dụng đất liền kề không cắm mốc giới, không xây dựng tường rào để ngăn cách giữa hai thửa đất nói trên nên trong quá trình xây dựng nhà ở thì vợ chồng ông B, bà U đã lấn chiếm phần đất liền kề của ông T, bà M. Bà Lê Thị M cũng đã khiếu nại về vấn đề lấn chiếm quyền sử dụng đất liền kề nhiều lần tại chính quyền địa phương, chính quyền địa phương cũng đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng các bên đương sự không thống nhất được với nhau về quyền sử dụng phần đất liền kề bị lấn chiếm nên nguyên đơn là bà Lê Thị M mới khởi kiện tại Tòa án và yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là ông bà Võ Trọng B, Lê Thị Như U phải chịu trách nhiệm tháo dỡ 03 ống bi vuông nằm trên mặt đất để trả lại quyền sử dụng phần đất liền kề đã bị lấn chiếm là 9,42m² cho nguyên đơn và đồng thừa kế của ông Đỗ Văn T.

Theo kết luận của Cơ quan chuyên môn (Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường, thuộc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế) thì ranh giới quyền sử dụng đất của hai thửa đất liền kề, được xác định là một đoạn thẳng, nối từ điểm 1 đến điểm 2, điểm 2 đến điểm 3. Phần đất liền kề đang tranh chấp có diện tích 9,42m² nằm trong thửa đất số 336, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33) thuộc quyền sử dụng của bà Lê Thị M và các đồng thừa kế của ông Đỗ Văn T. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bị đơn là ông bà Võ Trọng B, Lê Thị Như U phải chịu trách nhiệm tháo dỡ 03 ống bi vuông nằm trên mặt đất để trả lại quyền sử dụng đất liền kề cho bà Lê Thị M và đồng thừa kế của ông Đỗ Văn T, phần đất đã bị lấn chiếm có diện tích là 9,42m²; Trong đó có 4,93m² là phần đất không liên quan đến kết cấu công trình nhà ở thì buộc trả lại đất, còn phần diện tích đất là 4,49m² có liên quan đến kết cấu công trình nhà ở thì giao cho ông B bà U tiếp tục sử dụng nhưng ông B bà U phải chịu trách nhiệm T toán giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường, tương ứng với số tiền là: 4,49m² x 11.000.000 đồng/m² = 49.390.000 đồng cho bà Lê Thị M và đồng thừa kế của ông Đỗ Văn T, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Về phía bị đơn, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay đều cố tình vắng mặt coi như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình trước phiên tòa.

Xét thấy, phần đất liền kề giữa hai thửa đất đang tranh chấp có diện tích 9,42m² nằm trong thửa đất số 336, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33) thuộc quyền sử dụng của bà Lê Thị M và các đồng thừa kế của ông Đỗ Văn T. Do đó xét yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ nên cần được chấp nhận, buộc bị đơn là ông Võ Trọng B và bà Lê Thị Như U phải chịu trách nhiệm tháo dỡ 03 ống bi vuông nằm trên mặt đất để trả lại quyền sử dụng đất liền kề cho bà Lê Thị M và đồng thừa kế của ông Đỗ Văn T, phần đất đã bị lấn chiếm có diện tích là 9,42m²; Trong đó có 4,93m² là phần đất không liên quan đến kết cấu công trình nhà ở thì buộc trả lại đất, còn phần diện tích đất là 4,49m² có liên quan đến kết cấu công trình nhà ở thì giao cho ông B bà U tiếp tục sử dụng nhưng ông B bà U phải chịu trách nhiệm T toán giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường,

tương ứng với số tiền là: $4,49\text{m}^2 \times 11.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 49.390.000 \text{ đồng}$ cho bà Lê Thị M và đồng thừa kế của ông Đỗ Văn T, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Còn về ý kiến và yêu cầu của bị đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn là ông Võ Trọng B và bà Lê Thị Như U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo loại có giá ngạch, tức là: $(9,42\text{m}^2 \times 11.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 103.620.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 5.181.000 \text{ đồng}$.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Là chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, bản vẽ nhiều lần, hết 8.000.000 đồng. Yêu cầu thẩm định, định giá tài sản của nguyên đơn là có căn cứ nên cần được chấp nhận, buộc bị đơn là ông Võ Trọng B và bà Lê Thị Như U phải chịu chi phí tố tụng khác là 8.000.000 đồng. Về phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng đủ 8.000.000 đồng nên nay buộc bị đơn phải nộp lại số tiền 8.000.000 đồng để trả cho nguyên đơn ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 146, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 175, Điều 176, Điều 189 Bộ luật dân sự; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị M đối với bị đơn là ông Võ Trọng B và bà Lê Thị Như U. Tuyên xử:

- Xác định ranh giới liền kề giữa hai thửa đất là một đoạn thẳng, nối từ điểm 01 đến điểm 02, điểm 02 đến điểm 03. Phần đất liền kề đang tranh chấp có diện tích $9,42\text{m}^2$ nằm trong thửa đất số 336, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33) tọa lạc tại số 514 đường NTT, Tổ 11, phường TP, thị xã H Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế là thuộc quyền sử dụng của bà Lê Thị M và các đồng thừa kế của ông Đỗ Văn T.

- Buộc bị đơn là ông Võ Trọng B và bà Lê Thị Như U phải chịu trách nhiệm tháo dỡ 03 ống bi vuông nằm trên mặt đất để trả lại quyền sử dụng đất, phần đất liền kề đã bị lấn chiếm có diện tích là $9,42\text{m}^2$ (là phần A) cho bà Lê Thị M và đồng thừa kế của ông Đỗ Văn T. Trong đó phần đất có diện tích là $4,93\text{m}^2$, do không liên quan đến kết cấu công trình nhà ở của ông B, bà U nên buộc trả lại đất. Còn phần đất có diện tích là $4,49\text{m}^2$ thì có liên quan đến kết cấu công trình nhà ở của ông B, bà U nên giao cho ông B, bà U tiếp tục sử dụng nhưng buộc ông B, bà U phải chịu trách nhiệm T toán giá trị quyền sử dụng đất, phần đất này với số tiền là: 49.390.000 đồng cho bà Lê Thị M và đồng thừa kế của ông Đỗ Văn T, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật (Có bản vẽ hiện trạng thửa đất kèm theo).

Các bên đương sự phải chịu trách nhiệm đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo hiện trạng sử dụng đất của hai thửa đất hiện nay theo quy định của pháp luật về đất đai.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản

tiền phải T toán nói trên thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn là ông bà Võ Trọng B, Lê Thị Như U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.181.000 đồng.

3. Về chi phí tố tụng khác: Là chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, bản vẽ nhiều lần, hết 8.000.000 đồng. Yêu cầu thẩm định, định giá tài sản của nguyên đơn là có căn cứ nên cần được chấp nhận, buộc bị đơn là ông Võ Trọng B và bà Lê Thị Như U phải chịu chi phí tố tụng khác là 8.000.000 đồng. Về phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng đủ 8.000.000 đồng nên nay buộc bị đơn ông bà Võ Trọng B, Lê Thị Như U phải nộp lại số tiền 8.000.000 đồng để trả cho nguyên đơn ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTHuế;
- VKSND tỉnh TTHuế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục thị xã Hương Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu án án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Cường

Nguyễn Văn PH

Mai Văn Phú

